

Finishes by event for the field of WGC-Bridgestone Invitational

Players	Safeway Open	CIMB Classic	CJ CUP @ NINE BRIDGES	Sanderson Farms	WGC-HSBC Champions	Shriners Hospitals for Children Open	OHL Classic at Mayakoba	The RSM Classic	Sentry Tournament of Champions	Sony Open in Hawaii	CareerBuilder Challenge	Farmers Insurance Open	Waste Management Phoenix Open	AT&T Pebble Beach Pro-Am	Genesis Open	The Honda Classic	WGC-Mexico Championship	Valspar Championship	Arnold Palmer Invitational	Corales Puntacana Resort & Club Champ	WGC-Deil Technologies Match Play	Houston Open	Masters Tournament	RBC Heritage	Valero Texas Open	Zurich Classic of New Orleans	Wells Fargo Championship	THE PLAYERS Championship	AT&T Byron Nelson	Fort Worth Invitational	the Memorial Tournament	FedEx St. Jude Classic	U.S. Open	Travelers Championship	Quicken Loans National	A Military Tribute_Greenbrier	John Deere Classic	Barbasol Championship	The Open Championship	RBC Canadian Open	# of Events	Cuts Made	Top-10s	FedExCup Rank		
An, Byeong Hun	-	-	T11	-	-	T32	CUT	CUT	-	-	-	-	T23	-	-	T5	-	CUT	T14	-	-	T52	-	T7	-	CUT	T63	T30	-	-	T2	CUT	67	-	T41	-	-	-	T51	T2	19	14	4	36		
Aphibarnrat, Kiradech	-	-	-	-	T24	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T68	T5	-	CUT	-	-	T5	-	T44	-	-	T30	-	-	T13	CUT	15	-	T48	-	-	-	T75	-	12	10	2	---			
Berger, Daniel	-	-	T54	-	T24	-	-	-	T11	T14	-	-	T11	-	-	CUT	T29	T14	-	-	-	T59	T18	T32	-	-	CUT	T55	T57	-	-	CUT	T6	T67	-	-	-	-	-	CUT	-	18	14	1	92	
Björk, Alexander	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	-	1	0	0	---	
Cabrera Bello, Rafa	-	T10	T11	-	T5	-	-	-	-	-	-	-	-	T26	T26	T29	T3	-	-	-	T36	CUT	T38	-	-	CUT	-	T17	-	-	-	-	T36	-	-	-	-	-	-	T74	-	14	12	3	70	
Cantlay, Patrick	-	-	-	-	T15	1	-	-	T15	-	-	T51	-	T35	T4	-	T30	-	-	-	T17	-	CUT	T7	-	-	T7	-	T23	-	CUT	4	-	T45	T15	-	-	-	-	-	T12	-	17	15	5	15
Casey, Paul	-	T7	T19	-	T11	-	-	-	-	-	-	-	-	T8	T49	-	T12	1	-	-	T17	-	T15	CUT	-	-	T5	-	-	-	-	-	T16	T2	-	-	-	-	-	T51	-	14	13	5	14	
Chappell, Kevin	-	-	-	-	-	T20	CUT	-	21	-	T6	-	T31	T8	T20	-	T30	-	T7	-	T36	-	CUT	CUT	T30	-	-	CUT	-	-	CUT	CUT	65	-	-	T30	-	-	T6	-	19	13	4	76		
Cook, Austin	-	-	-	T25	-	T20	T50	1	T22	T18	T14	-	T31	CUT	T49	-	-	T40	T36	-	-	-	CUT	T50	T30	-	T34	T46	-	CUT	CUT	T6	-	CUT	-	T5	T34	-	T28	-	24	19	3	27		
Day, Jason	-	-	T11	-	T11	-	-	-	-	-	-	1	-	T2	-	-	-	T22	-	-	T36	-	T20	-	-	T34	1	T5	-	-	T44	-	CUT	T12	-	-	-	-	T17	-	14	13	4	5		
DeChambeau, Bryson	T17	-	-	-	-	T7	T14	-	26	-	-	CUT	T5	T55	T41	-	-	W/D	2	-	-	-	T38	T3	-	-	4	T37	-	T42	1	-	T25	T9	-	-	W/D	-	T51	-	20	17	7	6		
Dunne, Paul	-	-	-	-	T38	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	-	-	T55	-	-	T5	-	T8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T67	-	6	5	2	---		
Finau, Tony	2	-	T26	-	T11	T16	-	-	-	T32	-	T6	CUT	-	T2	-	T27	CUT	-	-	T17	T24	T10	-	-	6	T21	T57	-	-	T13	CUT	5	-	-	T21	-	-	T9	T37	22	19	7	10		
Fisher, Ross	-	-	-	-	T58	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T46	CUT	-	-	T36	-	CUT	CUT	-	-	CUT	T63	71	-	-	-	-	T48	-	-	-	-	-	T39	-	11	7	0	198		
Fitzpatrick, Matthew	-	-	-	-	T9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T30	CUT	CUT	-	T36	-	T38	T14	-	-	-	T46	-	-	-	-	-	T12	-	-	-	-	-	-	CUT	-	10	7	1	---	
Fleetwood, Tommy	-	-	-	-	T20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T37	4	T14	-	T26	-	T17	-	T17	-	-	T4	CUT	T7	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	T12	T6	13	12	5	25		
Fowler, Rickie	-	-	-	-	-	2	-	T4	-	-	CUT	T11	-	-	-	CUT	T37	-	T14	-	-	T43	2	-	-	-	T21	CUT	-	T14	T8	-	T20	-	12	-	-	-	T28	-	16	13	4	17		
Garcia, Sergio	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T33	T7	4	-	-	T9	-	CUT	-	CUT	-	70	CUT	-	-	-	-	CUT	-	-	-	-	-	-	CUT	CUT	12	5	3	132	
Grace, Branden	-	T32	T15	-	T15	-	-	-	-	-	-	-	-	T20	T37	-	T30	T8	-	-	T29	-	T24	-	-	-	T46	T3	-	T52	-	T25	-	-	-	-	-	-	-	CUT	-	14	13	2	82	
Grillo, Emiliano	T28	T54	T40	-	-	-	T9	-	-	T47	-	T12	T57	-	-	T8	-	-	T26	T50	-	T3	-	T16	-	CUT	T9	T37	-	3	T23	-	CUT	T19	-	-	-	-	-	CUT	-	20	17	5	43	
Harman, Brian	-	-	T5	-	8	-	-	T4	3	T4	T20	CUT	-	-	-	T33	T5	-	T54	-	T9	-	T44	T23	-	-	74	CUT	-	T14	-	-	T36	T6	-	T56	-	-	-	CUT	-	20	17	8	26	
Hatton, Tyrrell	-	-	-	-	T11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	T3	-	T69	-	T9	-	T44	CUT	-	-	T42	CUT	-	-	-	-	-	T6	-	-	-	-	-	T51	-	11	8	3	109	
Hoffman, Charley	-	-	-	-	-	T18	CUT	-	-	-	T35	T26	W/D	T41	-	T20	CUT	T14	-	T36	-	T12	T23	T64	T31	-	CUT	-	T52	CUT	-	T20	T15	-	-	-	-	-	T17	T29	21	16	0	88		
Ichihara, Kodai	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	-	1	0	0	---
Johnson, Dustin	-	-	-	-	T2	-	-	-	1	-	-	-	-	T2	T16	-	T7	-	-	T59	-	T10	T16	-	-	-	T17	-	-	-	T8	1	3	-	-	-	-	-	-	CUT	1	14	13	9	1	
Johnson, Zach	T13	-	-	-	-	-	T23	T8	-	T14	T20	-	T57	-	-	-	-	T16	T26	-	T36	-	T36	T42	5	T15	-	T75	-	CUT	T40	-	T12	T19	-	-	T16	-	T17	-	20	19	2	52		
Kim, Si Woo	-	77	T44	-	T69	-	3	CUT	10	T58	-	T35	T62	-	CUT	-	-	T59	CUT	-	T9	-	T24	2	T45	-	-	T63	-	T66	T29	-	CUT	T26	CUT	-	CUT	-	T67	T29	25	19	4	45		
Kisner, Kevin	-	-	-	-	-	-	-	T4	T17	T25	T50	-	-	CUT	-	CUT	29	-	CUT	-	2	-	T28	T7	-	T15	CUT	CUT	-	T52	T74	-	CUT	-	-	55	-	-	T2	CUT	20	13	4	38		
Kizzire, Patton	CUT	-	-	T10	-	T4	1	T45	T15	1	T42	-	T31	-	-	CUT	T12	-	CUT	-	T36	-	CUT	-	-	CUT	-	T64	T74	-	-	CUT	-	CUT	T30	-	-	-	CUT	-	23	13	4	12		
Knox, Russell	-	T63	-	-	-	T72	T9	T37	-	T10	T29	T29	CUT	T15	-	CUT	-	T16	T73	-	-	CUT	-	T40	CUT	T7	-	CUT	T16	T20	T44	-	T12	T38	-	-	-	-	-	-	CUT	-	23	17	3	80
Kodaira, Satoshi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	54	-	CUT	-	T59	-	T28	1	-	-	-	CUT	CUT	T20	CUT	-	CUT	CUT	-	-	-	-	-	T35	-	13	6	1	73	
Koepka, Brooks	-	-	-	-	T2	-	-	-	34	-	-	-	-	-	-	-	DNS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	T42	T11	-	2	-	T30	1	T19	-	-	-	-	T39	CUT	12	9	3	13	
Kuchar, Matt	-	-	-	-	T31	-	-	T29	-	-	-	-	T5	T62	T26	-	T58	T40	-	-	T9	T8	T28	T23	T51	T28	-	T17	CUT	T32	T13	-	CUT	-	-	-	-	-	T9	CUT	20	17	4	68		
Lahiri, Anirban	-	T10	T5	-	T51	T14	-	-	-	-	T54	CUT	-	T26	T59	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	T58	-	CUT	CUT	T26	T58	T37	-	-	T9	T13	T39	-	-	-	-	CUT	-	20	15	3	102
Landry, Andrew	T7	-	-	T59	-	CUT	W/D	T4	-	CUT	2	CUT	CUT	-	CUT	CUT	-	-	-	-	-	-	-	T42	1	CUT	W/D	T67	-	CUT	T65	-	-	CUT	T8	-	T55	-	-	-	CUT	-	22	10	5	20
Leishman, Marc	-	-	2	-	T38	-	-	-	T7	T47	-	T8	T31	-	CUT	-	T37	-	T7	-	T52	-	9	CUT	-	-	-	T63	2	-	T62	-	T45	CUT	T13	-	-	-	-	60	-	19	16	6	22	
Li, Haotong	-	T48	-	-	T50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T53	-	63	-	T54	-	T59	-	T32	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T16	-	-	-	-	-	-	T39	-	10	9	0	---	
List, Luke	T37	T13	T5	-	-	T20	CUT	-	-	CUT	CUT	T12	T26	-	-	T26	2	-	T16	T7	-	T59	T24	-	T3	CUT	-	T9	CUT	-	-	T37	T56	CUT	CUT	-	-	-	-	T39	-	24	17	5	28	
Matsuyama, Hideki	-	T5	-	-	T50	-	-	-	-	T4	-	-	T12	W/D	-	-	-	DNS	-	T49	-	T36	-	19	-	-	T76	CUT	T16	-	T13	-	T16	-	-	-	-	-	-	-	CUT	-	15	11	2	86
McIlroy, Rory	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	T20	T59	-	CUT	1	-	T36	-	T5	-	-	-	T16	CUT	-	-	T8	-	CUT	T12	-	-	-	-	-	T2	-	13	9	4	24	
Mickelson, Phil	T3	-	-	-	T15	-	-	-	-	-	CUT	T45	T5	T2	T6	-	1	-	-	-	T17	T24	T36	-	-	-	T5	CUT	-	-	T13	T12	T48	-	-	T65	-	-	T24	-	18	16	6	9		
Molinari, Francesco	-	-	-	-	T46	-	-	-	-	-	-	T45	T40	-	CUT	-	T25	-	T26	-	T17	-	T20	49	-	-	T16	CUT	-	-	-	-	T25	-	1	-	T2	-	1	-	15	13	3	7		
Na, Kevin	T37	T44	T47	-	-	-	-	-	CUT	T42	-	T48	T20	T2	-	-	-	-	T36	-	T52	-	-	CUT	CUT	CUT	-	T46	T6	4	CUT	-	-	-	-	T64	1	-	-	T51	-	20	15	4	19	
Noren, Alex	-	-	-	-	T31	-	-	-	-	-	T2	T21	-	T16	3	T14	-	T36	-	3	-	CUT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T25	-	-	-	-	-	-	-	T17					

Players	Safeway Open	CIMB Classic	CJ CUP @ NINE BRIDGES	Sanderson Farms	WGC-HSBC Champions	Shriners Hospitals for Children Open	OHL Classic at Mayakoba	The RSM Classic	Sentry Tournament of Champions	Sony Open in Hawaii	CareerBuilder Challenge	Farmers Insurance Open	Waste Management Phoenix Open	AT&T Pebble Beach Pro-Am	Genesis Open	The Honda Classic	WGC-Mexico Championship	Valspar Championship	Arnold Palmer Invitational	Corales Puntacana Resort & Club Champ	WGC-Dell Technologies Match Play	Houston Open	Masters Tournament	RBC Heritage	Valero Texas Open	Zurich Classic of New Orleans	Wells Fargo Championship	THE PLAYERS Championship	AT&T Byron Nelson	Fort Worth Invitational	the Memorial Tournament	FedEx St. Jude Classic	U.S. Open	Travelers Championship	Quicken Loans National	A Military Tribute_ Greenbrier	John Deere Classic	Barbasol Championship	The Open Championship	RBC Canadian Open	# of Events	Cuts Made	Top-10s	FedExCup Rank		
Reed, Patrick	-	-	T11	-	T50	-	CUT	-	-	-	CUT	T23	T17	CUT	-	CUT	T37	T2	T7	-	T9	-	1	-	-	T7	8	T41	-	-	T29	-	4	CUT	-	-	-	-	T28	-	20	15	7	8		
Schauffele, Xander	-	T3	T72	-	T46	-	-	-	T22	T32	-	CUT	T17	-	T9	-	T18	-	-	-	T17	-	T50	T32	T73	-	T72	T2	-	CUT	CUT	-	T6	CUT	-	T21	-	-	T2	-	21	17	5	23		
Schwartzel, Charl	-	T48	T28	-	T50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T68	-	T48	T49	CUT	-	CUT	-	3	T9	T2	-	-	CUT	72	CUT	-	-	-	-	-	CUT	-	17	11	3	94			
Scott, Adam	-	-	25	-	T50	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	T53	T13	-	T16	T41	-	-	-	-	CUT	-	T76	T11	T9	T52	T35	-	CUT	-	-	-	-	-	T17	-	16	13	1	116			
Sharma, Shubhankar	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T9	-	-	-	T59	CUT	CUT	-	CUT	-	-	-	-	T20	CUT	-	CUT	-	-	-	-	-	T51	-	9	4	1	---		
Simpson, Webb	T17	-	-	-	-	T20	-	W/D	-	T4	T36	-	CUT	-	T5	T37	T8	-	-	-	T29	-	T20	T5	-	-	T21	1	-	CUT	-	T10	CUT	-	T47	-	-	T12	-	19	15	6	11			
Smith, Cameron	-	T5	3	-	-	-	-	-	T17	T18	-	T20	T48	-	T6	-	-	T46	CUT	-	T5	-	T5	T32	-	CUT	-	CUT	-	CUT	-	CUT	-	-	-	-	-	-	78	-	18	12	5	50		
Spieth, Jordan	-	-	-	-	-	-	-	-	9	T18	-	-	CUT	T20	T9	-	T14	CUT	-	-	T17	T3	3	-	-	CUT	-	T41	T21	T32	CUT	-	CUT	T42	-	-	-	-	-	T9	-	18	13	5	42	
Stanley, Kyle	-	T21	T19	-	T5	-	-	-	30	T10	-	T51	CUT	-	CUT	-	T25	-	T14	-	T5	-	52	-	-	-	T13	CUT	-	-	T2	-	CUT	T15	T32	-	CUT	-	T39	-	20	15	4	40		
Steele, Brendan	1	T13	-	-	-	-	-	-	29	-	T20	T29	T3	-	T49	-	T20	-	-	-	T17	-	CUT	-	T30	T10	-	T79	-	-	-	-	63	CUT	-	-	-	-	-	T47	-	16	14	3	30	
Stenson, Henrik	-	-	-	-	T2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	4	-	-	T6	T5	-	-	T19	-	T23	-	-	T13	T26	T6	-	-	-	-	-	-	T35	-	11	10	5	46	
Stone, Brandon	-	-	-	-	76	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T61	-	3	3	0	---	
Thomas, Justin	-	T17	1	-	-	-	-	-	T22	T14	-	-	T17	-	T9	1	2	-	-	-	4	-	T17	-	-	CUT	T21	T11	-	-	T8	-	T25	T56	-	-	-	-	-	CUT	-	17	15	6	2	
Tokimatsu, Ryuko	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	CUT	-	1	0	0	---	
Vegas, Jhonattan	-	T39	T54	-	T20	-	T61	-	T7	-	T11	CUT	-	-	CUT	T72	T20	-	-	-	T52	T87	T38	-	CUT	-	T42	T41	-	73	T40	-	T41	CUT	-	-	-	-	-	-	CUT	T29	22	17	1	121
Watson, Bubba	-	-	-	-	-	T51	-	67	-	-	CUT	-	T40	T35	1	-	T9	-	T66	-	1	-	T5	-	-	T28	-	T57	-	-	T44	-	CUT	1	-	T13	-	-	CUT	CUT	18	14	5	4		
Wise, Aaron	CUT	-	-	T25	-	T32	CUT	T13	-	CUT	T17	CUT	-	T15	CUT	T33	-	T68	T41	-	-	T32	-	-	CUT	CUT	T2	-	1	CUT	CUT	-	CUT	-	-	CUT	CUT	-	-	-	23	11	2	29		
Woodland, Gary	-	T28	T40	-	-	T18	T34	-	-	T7	-	T12	1	CUT	-	T49	T50	CUT	-	-	T29	-	CUT	-	-	CUT	CUT	CUT	-	-	T23	-	T36	-	T53	-	-	-	T67	T22	21	15	2	37		
Woods, Tiger	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	T23	-	-	CUT	12	-	T2	T5	-	-	-	-	-	-	-	T55	T11	-	-	T23	-	CUT	-	T4	-	-	-	-	T6	-	12	10	4	47	